

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 23 – 3 - 2023

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - TỈNH B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Phúc Thị Thu Hà.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Hạnh
2. Bà Lê Thị Kiều Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Sang, là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 463/2022/TLST-HN&GD, ngày 21 tháng 10 năm 2022, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2023/QĐXXST-HN&GD, ngày 21 tháng 02 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2023/QĐST-DS, ngày 13 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị Hải D, sinh năm 1983

Địa chỉ: Số nhà 38, đường ĐT 766, tổ 8, thôn 4, xã Đ1, huyện Đ, tỉnh B.

Tạm trú tại: Số nhà 142, đường 3/2, tổ 1, khu phố 5, thị trấn Đ2, huyện Đ, tỉnh B

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Viết A, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số nhà 38, đường ĐT 766, tổ 8, thôn 4, xã Đ1, huyện Đ, tỉnh B.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn và vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trương Thị Hải D trình bày: Chị và anh Nguyễn Viết A tự nguyện kết hôn với nhau, số đăng ký kết hôn 13, ngày 27/2/2006 tại UBND xã Đ1. Quá trình chung sống giữa chị và anh A đã xảy ra nhiều mâu thuẫn và chị đã ly thân anh A. Nguyên nhân là do anh A tính tình nóng nảy, áp đặt, anh hay bắt chị làm theo ý của anh nên lâu dần chị chịu đựng mà không dám phản kháng vì cứ nói lại là anh lại đánh đập chị. Dần dần chị thấy sợ và không tranh luận, cãi cọ với anh mà để cho anh tự quyết định mọi thứ trong gia đình, chị trở nên im lặng không nói chuyện thì anh cũng nóng nảy đánh chị. Ngoài ra, anh A còn nhiều lần quan hệ tình cảm với phụ nữ khác, làm cho chị rất tổn thương. Do đó chị đã về nhà mẹ ruột sống nửa năm nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh A nữa, chị yêu cầu ly hôn anh A.

Theo đơn bản tự khai, biên bản hòa giải, biên bản không hòa giải được, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, bị đơn Nguyễn Viết A trình bày: Anh và chị D tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ1. Anh thừa nhận quá trình chung sống với chị D thì giữa anh và chị D có nhiều mâu thuẫn, trong lúc nóng giận thì anh có đánh chị D. Nguyên nhân là do chị D mỗi khi giận thì không chịu nói gì cả, cứ giữ thái độ im lặng nên anh cảm thấy không được tôn trọng nên anh có quan hệ ngoại tình với phụ nữ khác. Tuy nhiên anh đã nhận thấy bản thân anh có lỗi, nhưng chị D cũng sai là hay im lặng nên vợ chồng không thể giải quyết mâu thuẫn với nhau, vì vậy anh mong chị D thay đổi, bản thân anh cũng sửa đổi để vợ chồng hàn lại cùng nuôi các con. Anh không muốn ly hôn với chị D.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: các đương sự không tranh chấp.

Tòa án đã tổ chức các phiên hòa giải để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về các vấn đề có tranh chấp trong vụ án nhưng không thành.

Ý kiến của kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, của các đương sự và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Thẩm phán, thư ký đã chấp hành đúng pháp luật.
- Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật
- Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.
- Về nội dung vụ án: Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Tòa án nhân dân huyện Đ đã thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là ly hôn.

[3] Nội dung vụ án:

[a] Về hôn nhân: Chị Trương Thị Hải D và anh Nguyễn Viết A tự nguyện kết hôn với nhau, số đăng ký kết hôn 13, ngày 27/2/2006 tại UBND xã Đ1. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống anh chị đã không biết cách xây dựng hôn nhân ngày càng hạnh phúc, không biết lắng nghe, chia sẻ cùng nhau, mỗi người đều giữ cái tôi riêng nên đã làm cho tình cảm ngày càng rạn nứt. Anh chị đã không tôn trọng nhau, anh A là người nóng nảy, áp đặt, anh không biết cách lắng nghe suy nghĩ của chị D nên lâu ngày chị D trở nên im lặng, không còn muốn chia sẻ tình cảm với anh nữa. Anh A thấy chị D im lặng thì không biết cách tháo gỡ mâu thuẫn với chị mà anh lại đi ngoại tình nên càng làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, ngoài ra anh còn đánh đập chị làm cho chị hết tình cảm với anh. Mặc dù đã được Tòa án động viên, phân tích và hàn gắn trong 5 tháng qua, nhưng đến nay chị D vẫn kiên quyết ly hôn anh A. Mặc dù anh A không muốn ly hôn, anh mong chị D thay đổi để vợ chồng quay về sống nhau, xong tại phiên tòa chị D vẫn một mực muốn ly hôn anh. Xét thấy hôn nhân là sự tự nguyện của hai bên nhưng chị D đã không còn tình cảm với anh A nữa, hai người cũng đã có thời gian ly thân hơn 5 tháng để suy nghĩ và hàn gắn nhưng vẫn không thể quay lại với nhau, do vậy thấy rằng cuộc hôn nhân này đã mâu thuẫn thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, có duy trì cũng không đem lại hạnh phúc cho anh chị và các con. Do vậy chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị ly hôn anh A là phù hợp.

[b] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không tranh chấp

[4] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị D là người yêu cầu ly hôn nên chị phải chịu toàn bộ án phí DSST theo quy định của pháp luật

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và

phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị D:

- Về hôn nhân: Chị Trương Thị Hải D ly hôn anh Nguyễn Viết A.
- Về con chung, tài sản và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp nên không cần xem xét trong bản án này.

2. Về án phí DSST:

Chị Trương Thị Hải D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do chị D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh B theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012518, ngày 21 tháng 10 năm 2022. Chị D đã nộp đủ án phí DSST.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án (23/3/2023), bị đơn vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- CC THADS huyện Đ;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu HSVA, QĐ./.

Phan Phúc Thị Thu Hà

